



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Ký bởi: Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Điện Biên
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **98** /2025/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày **30** tháng **12** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chế độ báo cáo định kỳ
phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên;*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

b) Quyết định này không áp dụng đối với chế độ báo cáo định kỳ tại các văn bản do cơ quan Trung ương quy định và chế độ báo cáo chuyên đề, chế độ báo cáo đột xuất và các chế độ báo cáo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị); các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Nguyên tắc báo cáo

1. Báo cáo phải kịp thời, chính xác, đầy đủ và khách quan.

2. Việc báo cáo phải theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại quyết định này.

3. Người ký báo cáo phải đảm bảo theo đúng thẩm quyền, phù hợp với từng loại báo cáo và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan báo cáo.

Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị gửi, nhận báo cáo

1. Cơ quan, đơn vị gửi báo cáo

a) Thu thập, tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu báo cáo bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo quy định.

b) Kịp thời điều chỉnh, bổ sung thông tin, số liệu theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị nhận báo cáo trong trường hợp báo cáo không bảo đảm tính đầy đủ, chính xác theo quy định.

2. Cơ quan, đơn vị nhận báo cáo

a) Báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan, ban, ngành nào chủ trì thì cơ quan, ban, ngành đó có trách nhiệm xử lý thông tin và tổng hợp thành báo cáo chung của tỉnh.

b) Kịp thời yêu cầu cơ quan gửi báo cáo điều chỉnh, bổ sung đối với những báo cáo không bảo đảm tính đầy đủ, chính xác theo quy định.

Điều 4. Thời gian chốt số liệu báo cáo

1. Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ 9 tháng: Thời gian chốt số liệu 9 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

5. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 5. Phương thức gửi, nhận báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị cập nhật, tổng hợp thông tin, số liệu duyệt và gửi, nhận báo cáo theo quy định tại Quyết định này thông qua các chức năng của Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

2. Trường hợp Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh có sự cố kỹ thuật hoặc mẫu báo cáo chưa phù hợp dẫn tới không thể triển khai gửi, nhận báo cáo trong thời hạn quy định, việc gửi, nhận báo cáo được thực hiện bằng hình thức văn bản điện tử thông qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo

1. Thời hạn gửi báo cáo cho cơ quan, đơn vị chủ trì tổng hợp chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Các cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng báo cáo định kỳ trình Ủy ban

nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) chậm nhất vào ngày 23 của tháng cuối kỳ báo cáo.

3. Trường hợp thời hạn báo cáo định kỳ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

Điều 7. Danh mục báo cáo định kỳ

1. Danh mục báo cáo định kỳ, đề cương báo cáo, biểu mẫu báo cáo, thực hiện theo Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh được công bố, công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Việc công bố, công khai danh mục báo cáo định kỳ được thể hiện bằng Quyết định công bố của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo có trách nhiệm:

a) Tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác;

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tổng hợp, chia sẻ, kết nối dữ liệu chuyên ngành liên quan đến các thông tin báo cáo; tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình thực hiện báo cáo; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo;

c) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và nội dung yêu cầu báo cáo của Quyết định này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Quản trị, vận hành, duy trì Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đảm bảo chức năng, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ;

b) Xây dựng các biểu mẫu điện tử, ứng dụng chữ ký số, tổ chức quản lý và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, công khai Danh mục báo cáo định kỳ trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Như Điều 9;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm TT-HN-NK tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương

Phụ lục I
DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 98 /2025/QĐ-UBND)



ST T	Tên báo cáo	Nội dung yêu cầu báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Phương thức gửi, nhận báo cáo	Thời gian chốt số liệu báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo /Tần suất thực hiện báo cáo
1	Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 01 Phụ lục II của Quyết định này	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính)	Theo quy định tại Điều 5 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 4 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 6 Quyết định này	Báo cáo tháng, quý I, 6 tháng, quý III, năm (12 lần/năm)
2	Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 02 Phụ lục II của Quyết định này	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính)	Theo quy định tại Điều 5 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 4 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 6 Quyết định này	Báo cáo quý I, quý II, quý III, năm (4 lần/năm)
3	Báo cáo tình hình thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 03 Phụ lục II của Quyết định này	UBND cấp xã	UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Theo quy định tại Điều 5 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 4 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 6 Quyết định này	Báo cáo 3 tháng/6 tháng/9 tháng/năm (04 lần/năm)
4	Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ và Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 08/6/2022 của	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Quyết định này	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	UBND tỉnh (qua Sở Xây dựng)	Theo quy định tại Điều 5 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 4 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 6 Quyết định này	Báo cáo năm (01 lần/ năm)

ST T	Tên báo cáo	Nội dung yêu cầu báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Phương thức gửi, nhận báo cáo	Thời gian chốt số liệu báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo /Tần suất thực hiện báo cáo
	Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Điện Biên							
5	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021- 2030	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 05 Phụ lục II của Quyết định này	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	UBND tỉnh (qua Sở Xây dựng)	Theo quy định tại Điều 5 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 4 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 6 Quyết định này	Báo cáo năm (01 lần/ năm)
6	Báo cáo lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện quy hoạch	Theo đề cương báo cáo chi tiết tại Mẫu số 06 Phụ lục II của Quyết định này	UBND các xã, phường	UBND tỉnh (qua Sở Xây dựng)	Theo quy định tại Điều 5 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 4 Quyết định này	Theo quy định tại Điều 6 Quyết định này	Báo cáo năm (01 lần/ năm)

Phụ lục II
MẪU ĐỀ CƯƠNG VÀ BIỂU MẪU BÁO CÁO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 98 /2025/QĐ-UBND)

Mẫu số 01

Đề cương Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh tháng/quý/6 tháng/ năm

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Điện Biên, ngày tháng năm 20...

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh tháng/quý/6 tháng/ năm

Căn cứ.....

A. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

I. Về lĩnh vực kinh tế

1. Về thu chi ngân sách
2. Về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
 - 2.1 Sản xuất nông nghiệp
 - a) Trồng trọt
 - b) Chăn nuôi
 - 2.2 Sản xuất lâm nghiệp
 - 2.3. Thủy sản
3. Về sản xuất công nghiệp

II. Về Văn hóa - xã hội

III. An ninh chính trị, TTATXH

IV. Thực hiện vốn đầu tư phát triển

1. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:
2. Nguồn vốn ngân sách trung ương

V. Hoạt động thương mại - dịch vụ - vận tải - giá cả

1. Thương mại dịch vụ
 - a. Tổng mức bán lẻ:
 - b. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống

2. Giá cả

3. Hoạt động Vận tải

VI. Hoạt động tài chính ngân hàng

B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Tình hình thiếu đói trong dân

2. Tình hình dịch bệnh và công tác phòng chống dịch

3. Tình hình tai nạn giao thông

4. Tình hình cháy, nổ

5. Vi phạm môi trường

6. Thiệt hại do thiên tai

C. NHỮNG KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

V. PHỤ LỤC (nếu có)

Nơi nhận:

- Các cơ quan chuyên môn
thuộc UBND tỉnh;

-

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

Đề cương Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia quý/năm

Tên cơ quan, đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Điện Biên, ngày tháng năm 20..

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia quý/năm

Căn cứ.....

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN****1. Nhiệm vụ: Khởi sự kinh doanh**

Điểm lại công việc đã thực hiện. Trong đó nêu rõ:

- Tên công việc
- Kết quả đạt được và tác động tích cực (nếu có)

2. Nhiệm vụ: Cấp phép xây dựng

- Tên công việc
- Kết quả đạt được và tác động tích cực (nếu có)

3. Nhiệm vụ: Tiếp cận điện năng

- Tên công việc
- Kết quả đạt được và tác động tích cực (nếu có)

4. Nhiệm vụ: Đăng ký tài sản

- Tên công việc
- Kết quả đạt được và tác động tích cực (nếu có)

5. Nhiệm vụ: Giao dịch thương mại qua biên giới

- Tên công việc
- Kết quả đạt được và tác động tích cực (nếu có)

6. Nhiệm vụ: Nộp thuế và Bảo Hiểm xã hội

- Nộp thuế:

- Bảo hiểm xã hội:

7. Nhiệm vụ: Giải quyết tranh chấp hợp đồng

8. Nhiệm vụ: Giải quyết phá sản

9. Nhiệm vụ: Tiếp cận tín dụng

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Khó khăn

2. Giải pháp Khắc phục

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

V. PHỤ LỤC (nếu có)

Nơi nhận:

- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03**Đề cương Báo cáo tình hình thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia****UBND XÃ, PHƯỜNG...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng ... năm 202.....

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**Tình hình thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia 03 tháng/06 tháng/09 tháng/năm.....**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường

I. Tình hình phân bổ, giải ngân nguồn vốn

(Báo cáo tổng hợp tình hình phân bổ, giải ngân nguồn vốn (bao gồm cả vốn giao mới và nguồn vốn được phép kéo dài từ các năm trước). Kết quả giải ngân nguồn vốn chi tiết đến nội dung thành phần, Tiểu dự án thuộc từng Chương trình mục tiêu quốc gia).

1. Nguồn vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN

2. Nguồn vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững

II. Kết quả thực hiện**1. Dự án liên kết theo chuỗi giá trị**

- Trình tự triển khai, kết quả tuyển chọn Chủ trì liên kết. Tiến độ thực hiện quy trình lựa chọn Dự án, kế hoạch liên kết (nộp hồ sơ, thẩm định, phê duyệt).

- Số lượng Dự án đã được phê duyệt và triển khai. Trong đó:... dự án lĩnh vực trồng trọt;... dự án lĩnh vực lâm nghiệp;... dự án lĩnh vực chăn nuôi;... dự án lĩnh vực thủy sản;...

- Báo cáo tiến độ thực hiện dự án; thanh, quyết toán và giải ngân nguồn vốn đến thời điểm báo cáo.

2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

- Trình tự triển khai, kết quả lựa chọn cộng đồng dân cư thực hiện Dự án. Tiến độ thực hiện quy trình lựa chọn Dự án cộng đồng (nộp hồ sơ, thẩm định, phê duyệt).

- Số lượng Dự án đã được phê duyệt và triển khai. Trong đó: ... dự án lĩnh vực trồng trọt;... dự án lĩnh vực lâm nghiệp; ... dự án lĩnh vực chăn nuôi; ... dự án lĩnh vực thủy sản;...

- Báo cáo tiến độ thực hiện dự án; thanh, quyết toán và giải ngân nguồn vốn đến thời điểm báo cáo.

(Chi tiết tại mẫu biểu kèm theo báo cáo)

III. Đánh giá

1. Thuận lợi
2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

IV. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kỳ tiếp theo

V. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Chi cục PTNT và KTHT;
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

[illegible]

[illegible]

Ghi chú:

- Tại cột "Văn bản thẩm định", "Văn bản phê duyệt": Ký hiệu văn bản ghi rõ số Văn bản, ngày ban hành theo định dạng dd/mm/yyyy;
- Tại cột "Chủ đầu tư": Ghi rõ tên cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất;
- Tại cột "Nguồn vốn": Ghi tên viết tắt của CT Mục tiêu quốc gia (Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN ghi: DTTS; Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững ghi: NTMGNBV). Nếu trong 01 Chương trình MTQG có nhiều Dự án, Tiểu Dự án, Nội dung, Nội dung thành phần thực hiện hoạt động hỗ trợ PTSX thì ghi rõ tên Dự án, Tiểu Dự án, Nội dung, Nội dung thành phần đó. Nếu sử dụng nguồn vốn lồng ghép thì ghi rõ lồng ghép giữa các nguồn vốn nào.
- Tại cột "Lĩnh vực": Ghi rõ các lĩnh vực như sau: Lâm nghiệp, Trồng trọt, Chăn nuôi, Thủy sản, Cây dược liệu, Khác.
- Tại cột "Loai": Ghi rõ tên cây trồng, vật nuôi là đối tượng của dự án (cà phê, mắc ca, gà, trâu, bò, ...).

Mẫu số 04

Đề cương Báo cáo Kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ và Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 08/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / BC-(2)

Điện Biên, ngày tháng năm 20..

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ và Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 08/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

1. Tình hình triển khai xây dựng Kế hoạch để cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ; Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 08/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch triển khai được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 30/3/2022

2. Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch

...

3. Kết quả thực hiện mục tiêu theo Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ; Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 08/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch triển khai được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 30/3/2022

4. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ; Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 08/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 30/3/2022

4.1. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu

- Nâng cao, thống nhất nhận thức, hành động về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị.

- Nâng cấp chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển bền vững.

- Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chuyển đổi lao động gắn với chuyển đổi cơ cấu đô thị và nông thôn.

- Phát triển kinh tế đô thị.

- Xây dựng các nhiệm vụ, đề án chuyên ngành.

- Phối hợp với các Bộ, ngành trung ương xây dựng cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật.

4.2. Đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp chủ yếu

- Tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch.

- Hoàn thiện, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hóa, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững.

- Huy động và quản lý nguồn lực.

- Điều chỉnh địa giới hành chính.

- Thu hút dân cư đô thị.

- Công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền.

4.3. Kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 30/3/2022

Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường được UBND tỉnh giao làm Cơ quan chủ trì báo cáo cụ thể kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Phụ lục I, II ban hành kèm theo Kế hoạch nêu trên.

5. Kết quả rà soát các chỉ tiêu còn thiếu, còn yếu, khó hoàn thành theo mục tiêu đã đề ra (trong đó nêu rõ kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, đề xuất các giải pháp, điều chỉnh...)

6. Đánh giá chung

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại, hạn chế

c) Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

7. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

8. Đề xuất, kiến nghị

(Trong đó có đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu còn thiếu, còn yếu, khó hoàn thành theo mục tiêu đã đề ra)

Nơi nhận:

- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.
- (2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.
- (3) Năm báo cáo.
- (4) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- (5) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 05

Đề cương Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021- 2030

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Điện Biên, ngày tháng năm 20..

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện Đề án phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021- 2030 của....., năm

Căn cứ.....

I. Tình hình triển khai thực hiện Đề án

1.1. Tình hình ban hành và triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo điều hành, kế hoạch triển khai Đề án 438 của UBND tỉnh.

1.2. Báo cáo đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống đô thị có nguy cơ chịu tác động (đô thị hiện có và đô thị dự kiến hình thành mới trong giai đoạn 2021 - 2030) trên địa bàn.

1.3. Tình hình bổ sung lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu vào Quy hoạch vùng và quy hoạch đô thị trên địa bàn.

1.4. Việc xác định các khu vực ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo tại các đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu làm cơ sở đầu tư xây dựng hiệu quả.

1.5. Tình hình phối hợp với các tổ chức quốc tế triển khai các chương trình, dự án thí điểm ứng dụng công nghệ, vật liệu mới nhằm phát triển đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, kiến trúc xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai trên địa bàn.

1.6. Tình hình thực hiện một số nhiệm vụ trong Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ) được lồng ghép trong Đề án.

II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

Đề cương Báo cáo lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện quy hoạchUBND XÃ, PHƯỜNG...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Điện Biên, ngày tháng ... năm 202..

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện quy hoạch của**

Kính gửi: Sở Xây dựng

A. Báo cáo về quy hoạch xây dựng khu chức năng

	Quy hoạch chung		Quy hoạch chi tiết		Ghi chú
	Quyết định phê duyệt	Diện tích quy hoạch (ha)	Các quyết định phê duyệt các đồ án	Diện tích quy hoạch (ha)	
Khu kinh tế					
.....					
Khu công nghiệp tập trung					
.....					
Cụm công nghiệp					
.....					
Khu văn hóa, thể thao, du lịch cấp quốc gia					
.....					
Khu bảo tồn di sản cấp quốc gia					
.....					
Khu chức năng					
.....					

B. Báo cáo về quy hoạch đô thị

	Tên đồ án	Tên Quyết định	Diện tích quy hoạch (ha)	Tỷ lệ phủ QHPK đô thị	Tỷ lệ phủ QHCT đô thị
--	-----------	----------------	--------------------------	-----------------------	-----------------------

QH chung					
QH phân khu					
QH chi tiết					

C. Báo cáo về quy hoạch nông thôn

	Tên đồ án	Tên Quyết định	Diện tích quy hoạch (ha)
Quy hoạch chung			
Quy hoạch chi tiết			

D. Báo cáo về quy chế quản lý kiến trúc và thiết kế đô thị riêng

Tên đô thị/điểm dân cư nông thôn	Quyết định phê duyệt QC QLKT	Thiết kế đô thị riêng
Đô thị		
Điểm dân cư nông thôn		

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN